

Bản án số: 113/2019/DS-ST

Ngày 22 tháng 10 năm 2019.

V/v tranh chấp “Hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Châu Vũ Sơn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Trần Thanh Sang**
2. Bà **Nguyễn Thị Ly**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Ngô Thị Lắm**, là thư ký Tòa án nhân dân huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa bà **Đoàn Thụy Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 58/2019/TLST-DS ngày 25. 01.2018 về tranh chấp “Hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 320/2019/QĐST-DS ngày 24 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Tô Thanh H**, sinh năm 1978; địa chỉ: ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Kim T**, sinh năm 1953; địa chỉ: ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, (vắng mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1981 Công ty luật TNHH MTV V, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Kiên Giang, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản không hòa giải được, tại phiên tòa nguyên đơn ông Tô Thanh H trình bày: Do chỗ quen biết với bà T, ông H có tham gia các dây hụi do bà T làm chủ:

Dây hụi thứ 1: Hụi 2.000.000 đồng/tháng (Huê hồng 1.000.000 đồng) hụi khai vào ngày 29/5/2017 (al) hụi gồm 22 hụi viên, ông H tham gia 01 phần, châu đến lần thứ 14 thì bà T ngưng hụi không khai tiếp tục. Số tiền dây hụi này ông được hưởng là 28.000.000 đồng.

Dây hụi thứ 2: Hụi 2.000.000 đồng/tháng (huê hồng 1.000.000 đồng) hụi khai vào ngày 07/6/2017 (al) hụi gồm 19 hụi viên, ông H tham gia 01 phần, châu đến lần thứ 13 thì bà T ngưng hụi không khai tiếp tục. Số tiền dây hụi này ông được hưởng là 26.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 dây hụi bà T còn nợ lại ông H số tiền 54.000.000 đồng. Sau đó bà T có trả ông số tiền 7.000.000 đồng, còn lại số tiền 47.000.000 đồng. Việc hốt hụi và châu hụi do bà T với ông H giao dịch với nhau, tuy không làm biên nhận nhưng bà T ghi tên các hụi viên và có ký nhận vào sổ hụi. Nay ông H yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả cho ông số tiền hụi 47.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Kim T đến tham gia phiên họp và hòa giải theo đúng trình tự của pháp luật nhưng bà không đến nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật.

Ý kiến giải quyết vụ án

Ông Tô Thanh H có tham gia 02 dây hụi do bà Nguyễn Kim T làm chủ, cụ thể: Dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 29/5/2017, có 22 phần, tham gia 01 phần đã châu được 14 lần 28.000.000 đồng; dây hụi 2.000.000 đồng/tháng, mở ngày 07/6/2017, có 19 phần, tham gia 01 phần đã châu được 13 lần 26.000.000 đồng. Tháng 10/2018, bà T trả được 7.000.000 đồng. Nay, yêu cầu bà T trả 47.000.000 đồng, không yêu cầu lãi suất.

Phải là bà T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản ghi ý kiến.

Xét thấy, hợp đồng hụi giữa ông H với bà T xác lập trên cơ sở tự nguyện, thỏa thuận, được thể hiện bằng giấy hụi do chính bà T lập, có các hụi viên cùng tham gia. Phía bà T có tham gia phiên hòa giải ngày 26/02/2019 nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu của ông H và đây là hợp đồng hụi có lãi do các bên tự thỏa thuận về mức lãi phát sinh trong kỳ chơi hụi. Do bà T mất khả năng chi trả, tự ý

ngưng hui mà không được sự đồng ý của các hui viên, vi phạm nghĩa vụ của chủ hui thanh toán nợ khi hui đến kỳ nên ông H khởi kiện trả toàn bộ số vốn đã nộp và lãi thỏa thuận là có căn cứ và phải hợ các Điều 282, 471 Bộ luật dân sự.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 282, 471 Bộ luật dân sự, xem xét:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô Thanh H.
- Buộc bà Nguyễn Kim T trả ông Tô Thanh H 47.000.000 đồng.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử các Điều 282, 471 Bộ luật dân sự năm 2015 xem xét:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô Thanh H

Buộc bà Nguyễn Kim T có nghĩa vụ trả cho ông Tô Thanh H số tiền hui 47.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Kim T cư trú ấp Đ, xã M, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Kim T, người B vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà T là Luật sư Nguyễn Văn B đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ Điều 228 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông B.

[2] Qua lời khai của ông Tô Thanh H các tài liệu chứng cứ cung cấp và qua quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định giữa bà T với ông H có ký kết hợp đồng góp hui giữa hai bên phù hợ với quy định của pháp luật. Nên được pháp luật công nhận và bảo vệ, do bà T tự ý ngưng không khui hui tiếp tục nhưng bà T không trả số tiền hui khi ông H có yêu cầu là vi phạm nghĩa vụ thanh toán được quy định tại Điều 282, Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2015 để Hội đồng xét xử chấp nhận. Vì vậy Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của ông H, buộc bà T có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền hui 47.000.000 đồng là phù hợ với quy định pháp luật.

Từ những cơ sở phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô Thanh H, buộc bà Nguyễn Kim T có nghĩa vụ trả cho ông Tô Thanh H số tiền hui 47.000.000 đồng (bốn mươi bảy triệu đồng).

[3] Về lãi suất: Tại phiên Tòa ông H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Nguyễn Kim T thuộc trường hợp được miễn án phí nhưng bà không có đơn nên bà phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều, Điều 282, Điều 471 Bộ luật dân sự.
- Các Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 228, 235 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô Thanh H

Buộc bà Nguyễn Kim T có nghĩa vụ trả cho ông Tô Thanh H số tiền hụi 47.000.000 đồng (bốn mươi bảy triệu đồng).

Về án phí: Bà Nguyễn Kim T phải chịu 2.350.000 đồng (hai triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Tô Thanh H được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 1.175.000 đồng theo biên lai thu số 0012521 ngày 25.01.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn